|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số:         /QĐ-TTg | | *Hà Nội, ngày    tháng     năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**DỰ THẢO 3**

**Phê duyệt danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KSTT (2b). | **THỦ TƯỚNG**    **Phạm Minh Chính** |

**Phụ lục**

**DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA**

*(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**I. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công an.

2. Mục tiêu xây dựng: Thiết lập cơ sở dữ liệu gốc về người dân để thống nhất dữ liệu dân cư trong các cơ quan nhà nước; sử dụng dữ liệu để thay thế các giấy tờ công dân trong các thủ tục hành chính; cải cách hành chính liên quan đến dân cư.

3. Phạm vi dữ liệu: Quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Căn cước năm 2023.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ: Quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng: Quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật: Quy định tại Điều 4 Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**II. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Tạo nền tảng dữ liệu phục vụ triển khai, vận hành Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

3. Phạm vi dữ liệu: Tập hợp các dữ liệu về đất đai có giá trị pháp lý, có tính chất tổng hợp cấp quốc gia.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

a) Thông tin về thửa đất;

b) Thông tin khoanh đất hiện trạng;

c) Thông tin vùng quy hoạch sử dụng đất;

d) Siêu dữ liệu (dữ liệu đặc tả) đất đai;

đ) Danh mục dữ liệu đất đai dùng chung.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ công về đất đai; quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, quy hoạch phát triển đô thị và xây dựng thành phố thông minh; xây dựng, vận hành Chính phủ điện tử;

b) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Nguồn thông tin để xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai:

a) Dữ liệu địa chính: Từ cơ sở dữ liệu của địa phương, hồ sơ địa chính ở địa phương;

b) Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai: Từ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai được phê duyệt;

c) Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Từ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

d) Dữ liệu giá đất: Từ kết quả xây dựng bảng giá đất, giá đất được giao dịch;

đ) Dữ liệu điều tra, quan trắc cơ bản về đất đai: Từ kết quả điều tra, quan trắc, đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất và điều tra đánh giá tiềm năng đất đai;

e) Các nguồn dữ liệu khác gồm:

- Dữ liệu Giấy chứng nhận sai, hỏng, huỷ, thu hồi, mất;

- Dữ liệu về Giấy chứng nhận cấp cho người nước ngoài do địa phương báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Dữ liệu về tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai được xác định do cơ quan có thẩm quyền công bố.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**III. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Cung cấp số liệu về doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước: xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực như: thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội;

b) Cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho xã hội góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả kinh tế, thúc đẩy kinh tế chia sẻ.

3. Phạm vi dữ liệu:

Quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể: Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

- Các dữ liệu về doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp viết tắt; tình trạng hoạt động của doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; loại hình pháp lý; ngày thành lập doanh nghiệp; tên người đại diện pháp luật/chủ sở hữu doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành nghề kinh doanh; vốn điều lệ.

- Dữ liệu khác: Bao gồm các thông tin trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp được quy định tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh: Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp;

b) Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương: thực hiện chức năng, nghiệp vụ quản lý nhà nước liên quan đến doanh nghiệp;

c) Tổng cục Thuế: Liên thông nghiệp vụ theo thời gian thực giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin đăng ký thuế phục vụ việc cấp mã số doanh nghiệp;

d) Cổng Dịch vụ công Quốc gia: Đồng bộ trạng thái hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

đ) Cá nhân, doanh nghiệp: Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, tra cứu, xác minh thông tin doanh nghiệp.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp do cá nhân, tổ chức nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc nộp qua mạng điện tử và được Phòng Đăng ký kinh doanh ghi nhận hoặc chấp thuận vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Nguồn thông tin nhận từ các cơ quan nhà nước khác: Bộ Công an, Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**IV. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TÀI CHÍNH**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Nhằm bảo đảm tính liên kết, tích hợp, khả năng kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các đơn vị trong ngành Tài chính, giữa Bộ Tài chính với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài ngành Tài chính; hỗ trợ xây dựng Chính phủ điện tử ngành Tài chính, hướng tới xây dựng Tài chính số (Digital Finance) dựa trên dữ liệu lớn và dữ liệu mở; tạo nền tảng cho ngành Tài chính tiếp cận, nắm vai trò chủ động, kiến tạo và thực hiện việc chuyển đổi sang nền Tài chính số hiện đại tại Việt Nam;

b) Là nơi tổng hợp, tích hợp các dữ liệu tài chính quốc gia từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tài chính, các thông tin, dữ liệu chia sẻ từ các bộ, ngành để phát huy tối đa giá trị của dữ liệu phục vụ cho mục đích quản lý về tài chính.

3. Phạm vi dữ liệu:

Lưu trữ dữ liệu được tích hợp từ 07 nhóm nguồn dữ liệu chính ở mức độ chi tiết phù hợp, bao gồm: (i) Các Kho dữ liệu của Bộ Tài chính (Thuế; Hải quan; Thu chi ngân sách nhà nước; Kho bạc; Dự trữ nhà nước; Giá); (ii) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tài chính (Chứng khoán; Nợ công; Tài sản công; Bảo hiểm; Quản lý, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Danh mục điện tử dùng chung); (iii) Cơ sở dữ liệu từ các bộ, ngành khác; (iv) Dữ liệu mở; (v) Dữ liệu có cấu trúc bên ngoài; (vi) Dữ liệu phi cấu trúc; (vii) Dữ liệu văn bản của Bộ Tài chính.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

a) Các dữ liệu chủ: Các dữ liệu tổng hợp của Kho bạc Nhà nước; các lĩnh vực thuế, hải quan, chứng khoán, giá, tài sản công;

b) Các dữ liệu chia sẻ: Các dữ liệu được Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1374/QĐ-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở của Bộ Tài chính, Quyết định số 2198/QĐ-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở ban hành kèm Quyết định số 1374/QĐ-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính; Quyết định số 2470/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức mặc định của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế nếu có.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và cơ quan tài chính địa phương và các bộ, ngành, địa phương (nếu phát sinh nhu cầu kết nối) bao gồm:

a) Các Vụ, Cục và tương đương tại trụ sở Bộ Tài chính (Khối cơ quan Bộ);

b) Tổng cục Thuế; Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Hải quan; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Viện Chiến lược và Chính sách tài chính;

d) Các Sở Tài chính; các phòng Tài chính - Kế hoạch;

đ) Các bộ, ngành trung ương có nhu cầu kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu số của Bộ Tài chính theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và quy định về sử dụng thông tin số liệu từ Bộ Tài chính.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Các Kho dữ liệu của Bộ Tài chính (các lĩnh vực thuế; hải quan; thu chi ngân sách nhà nước; kho bạc; dự trữ nhà nước; giá);

b) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tài chính (chứng khoán; nợ công; tài sản công; bảo hiểm; quản lý, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp; danh mục điện tử dùng chung);

c) Cơ sở dữ liệu từ các bộ, ngành khác;

d) Dữ liệu nguồn mở;

đ) Dữ liệu có cấu trúc bên ngoài;

e) Dữ liệu phi cấu trúc;

g) Dữ liệu văn bản của Bộ Tài chính.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**V. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM**

1. Cơ quan chủ quản: Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Mục tiêu xây dựng: Lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương trên quy mô quốc gia.

3. Phạm vi dữ liệu:

Quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Quy định tại Điều 10 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**VI. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Nội vụ.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Thực hiện việc xây dựng, quản lý, cập nhật dữ liệu thường xuyên, tổ chức khai thác, sử dụng và lưu trữ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo hướng hiện đại, là một trong những cấu phần quan trọng trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số;

b) Bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương; cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác, góp phần vào quá trình xây dựng, phát triển Chính phủ số; thực hiện minh bạch hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

3. Phạm vi dữ liệu:

Thông tin về cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Hệ thống cơ quan nhà nước các cấp từ trung ương đến địa phương, bao gồm:

a) Các bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng), cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập;

b) Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;

c) Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;

d) Kiểm toán Nhà nước;

đ) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan của Hội đồng nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

e) Các đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương và địa phương.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Quy định tại Phụ lục Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Quy định tại Điều 8 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Quy định tại Điều 6 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**VII. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Cơ quan chủ quản: Văn phòng Chính phủ.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Đáp ứng các yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao tại các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, 92/2017/NĐ-CP, 61/2018/NĐ-CP, 45/2020/NĐ-CP, 107/2021/NĐ-CP, 42/2022/NĐ-CP và Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg;

b) Hình thành bộ dữ liệu chủ của quốc gia về thủ tục hành chính, bao gồm dữ liệu về thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước các cấp, các danh mục dùng chung, kết quả giải quyết thủ tục hành chính… để chia sẻ cho các bộ, ngành, địa phương nhằm bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, công bố, công khai, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

3. Phạm vi dữ liệu:

a) Dữ liệu chủ: Dữ liệu thủ tục hành chính; dịch vụ công trực tuyến; danh mục các cơ quan, đơn vị hành chính, ngành, lĩnh vực; kết quả giải quyết thủ tục hành chính; các khoản thu, nộp vào ngân sách nhà nước khi thực thiện thủ tục hành chính, ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

b) Dữ liệu khác: Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính; quyết định công bố thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các trường tin chính của dữ liệu chủ, bao gồm: (1) Mã số thủ tục hành chính; (2) Tên thủ tục hành chính; (3) Trình tự thực hiện; (4) Cách thức thực hiện; (5) Hồ sơ; (6) Thời hạn giải quyết; (7) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; (8) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; (9) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (10) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; (11) Mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (12) Yêu cầu, điều kiện; (13) Phí, lệ phí.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Các trường tin chính của dữ liệu chủ bao gồm: (1) Mã số thủ tục hành chính; (2) Tên thủ tục hành chính; (3) Trình tự thực hiện; (4) Cách thức thực hiện; (5) Hồ sơ; (6) Thời hạn giải quyết; (7) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; (8) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; (9) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (10) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; (11) Mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (12) Yêu cầu, điều kiện; (13) Phí, lệ phí.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp khai thác, sử dụng để: cập nhật, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi ban hành, giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương; khai thác dữ liệu thủ tục hành chính, tích hợp danh mục dữ liệu chủ dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, cơ quan, địa phương; số hóa lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá, đề xuất các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định kinh doanh;

b) Người dân, doanh nghiệp, hiệp hội: Tra cứu, khai thác, sử dụng khi có nhu cầu tìm hiểu, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

c) Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: khai thác thông tin về các khoản thu, nộp phí, lệ phí thông qua Nền tảng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Dữ liệu chủ thủ tục hành chính được cập nhật, đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia là các thủ tục hành chính được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố (quy định tại Điều 23 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP); các dữ liệu khác được cập nhật theo văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền theo quy trình được quy định tại Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**VIII. CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công an.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Là nơi tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và điều phối dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và thực hiện việc phân tích chuyên sâu các dữ liệu, hỗ trợ công tác xây dựng các cơ chế chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển quốc gia;

b) Tạo điều kiện phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới trên nền các dữ liệu số được khai thác góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phạm vi dữ liệu:

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các thông tin được tổng hợp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu khác.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Dữ liệu chủ được tổng hợp từ dữ liệu chủ của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở dữ liệu khác;

Tạo lập kho dữ liệu dùng chung cung cấp thông tin cho các bộ, ngành, địa phương khai thác theo hình thức mặc định, đẩy mạnh cung cấp thông tin cho các thủ tục hành chính, hình thành kho dữ liệu mở để chia sẻ cho người dân, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Các bộ, ban, ngành, địa phương sử dụng các dữ liệu tổng hợp đã thu thập để thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện sự phục vụ của cơ quan nhà nước cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, tiến hành phân tích chuyên sâu nhằm hỗ trợ Chính phủ nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước; đưa ra các chính sách góp phần thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ cho xã hội.

Các tổ chức, cá nhân sử dụng và khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới trên nền các dữ liệu số được khai thác.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Từ các cơ sở dữ liệu quốc gia;

b) Các thông tin liên quan đến con người từ cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương;

c) Dữ liệu do người dân và doanh nghiệp cung cấp;

d) Dữ liệu mở trong và ngoài nước.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**IX. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng.

2. Mục tiêu xây dựng:

Quản lý nhà nước về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; đồng bộ dữ liệu theo chuẩn chung thống nhất; bảo đảm dữ liệu có thể kết nối, chia sẻ; cải cách thủ tục hành chính.

3. Phạm vi dữ liệu:

Thông tin về hoạt động xây dựng (thông tin về quy hoạch xây dựng; thông tin về dự án đầu tư xây dựng/công trình xây dựng; thông tin về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng) phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4 Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Thông tin về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; thông tin về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng; thông tin về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Cơ quan nhà nước;

b) Cá nhân, doanh nghiệp hoặc các cơ quan tổ chức có nhu cầu;

c) Các đối tượng có mục đích sử dụng khác theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu;

b) Từ các chủ đầu tư dự án, công trình xây dựng, người đề nghị thẩm định (trong trường hợp chưa có chủ đầu tư);

c) Dữ liệu được chia sẻ, liên kết từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan;

d) Đồng bộ từ nguồn cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan có thẩm quyền khác có liên quan.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

**X. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XUẤT NHẬP CẢNH**

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công an.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Quản lý tập trung, thống nhất thông tin xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và thông tin nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; thông tin cấp giấy tờ xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; thông tin cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú của người nước ngoài;

b) Cung cấp thông tin phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và xây dựng chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội;

c) Phục vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, giao dịch dân sự;

d) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xuất nhập cảnh.

3. Phạm vi dữ liệu:

a) Thông tin liên quan việc quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trong lãnh thổ Việt Nam;

b) Thông tin cấp giấy tờ xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; thông tin cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú của người nước ngoài;

c) Dữ liệu sinh trắc học của công dân Việt Nam và người nước ngoài tham gia các hoạt động xuất nhập cảnh;

d) Dữ liệu người chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh do các cơ quan đăng ký theo quy định của pháp luật;

đ) Dữ liệu đối tượng truy nã;

e) Dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân trong nước có liên quan; từ các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của các nước trên thế giới; dữ liệu giấy tờ mất, hết giá trị, dữ liệu đối tượng truy nã từ Interpol;

g) Dữ liệu căn cước công dân, dữ liệu dân cư và các dữ liệu có liên quan khác.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

a) Thông tin liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

b) Thông tin nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài;

c) Thông tin cấp giấy tờ xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam và cho người nước ngoài.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Các đơn vị thuộc Bộ Công an phục vụ công tác nghiệp vụ;

b) Cơ quan tiến hành tố tụng; cơ quan thi hành án hoặc các cơ quan quản lý nhà nước được đề nghị cung cấp thông tin về xuất nhập cảnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, thực hiện các quyết định thi hành án, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công;

c) Công dân Việt Nam được đề nghị cung cấp hoặc xác nhận thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh được khai thác thông tin liên quan đến việc thu hồi, huỷ, khôi phục, kiểm soát hộ chiếu, giấy tờ xuất nhập cảnh và lịch sử xuất nhập cảnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để chủ động thực hiện công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Dữ liệu xuất nhập cảnh thu thập từ các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng;

b) Dữ liệu cấp giấy tờ xuất nhập cảnh từ các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, từ Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

c) Dữ liệu từ các đơn vị liên quan trong Bộ Công an;

d) Dữ liệu từ các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước;

đ) Các dữ liệu khác từ các bộ, ngành có liên quan.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.